TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG** **&&&**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/DS-ST
Ngày: 29/9/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/ Bà Hồ Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2021/QĐXXST-DS, ngày 8 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 298/2021/QĐST-DS ngày 21/9/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Phạm Thị M

Địa chỉ: Số A, ấp X, xã KA, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

** Bị đơn:*

1/. Lê Thị Trúc L (Chúc L), có mặt.

2/. Huỳnh Văn T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã KA, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 7/6/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Bà có cho vợ chồng bà Lê Thị Trúc L, ông Huỳnh Văn T vay tiền 09 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 10/8/2019 âl vay 50.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 08/01/2020 âl vay 10.000.000 đồng;

- Lần 3: Ngày 10/4/2020 âl vay 10.000.000 đồng;

- Lần 4: Ngày 10/4/2020 âl vay 40.000.000 đồng;

- Lần 5: Ngày 19/5/2020 âl vay 10.000.000 đồng;

- Lần 6: Ngày 27/5/2020 âl vay 20.000.000 đồng;

- Lần 7: Ngày 13/6/2020 âl vay 20.000.000 đồng;

- Lần 8: Ngày 06/8/2020 âl vay 60.000.000 đồng;

- Lần 9: Ngày 20/9/2020 âl vay 50.000.000 đồng.

Tổng cộng là 270.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, việc vay nợ có làm biên nhận. Vay xong bà L, ông T có trả lãi cho bà đến tháng 12/2020 âl thì ngưng, xin lãi và hứa sẽ trả vốn nhưng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T phải trả nợ cho bà với tổng số tiền vốn nêu trên, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn Lê Thị Trúc L trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà Phạm Thị M với số tiền 270.000.000 đồng như bà M trình bày là đúng. Bà mượn tiền để cho vay lại lấy lãi phục vụ cuộc sống gia đình. Nay bà xin trả 1.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết số tiền trên.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án xét căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Bà Phạm Thị M với bà Lê Thị Trúc L có thỏa thuận vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp, các đương sự cùng cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, bà M có cho bà L mượn tiền nhiều lần để bà L cho vay lại hưởng phần chênh lệch, việc vay nợ có làm biên nhận, tính đến ngày 20/9/2020 âl bà L vay của bà M với tổng số tiền là 270.000.000 đồng. Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà L trả số tiền trên, bà L thừa nhận nợ nhưng xin trả dài hạn. Các bên thống nhất số nợ trên, không yêu cầu xem xét các vấn đề khác. Việc các bên thừa nhận có vay nợ và thiếu

tiền vốn nêu trên là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, bên bà L là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, đã nhận tiền vay nhưng không trả vốn đầy đủ. Vì vậy, bà L phải có trách nhiệm trả cho bà M tiền vốn vay theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bà L vay tiền mục đích là để cho vay lại lấy lãi chênh lệch phục vụ cuộc sống gia đình nên ông T cùng có trách nhiệm cùng với bà L trả nợ cho bà M đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Bà L xin trả dài hạn, bà M không đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của bà L không có căn cứ để chấp nhận. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí: Bà L, ông T phải chịu án phí là 13.500.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà M không phải chịu án phí và không có tạm ứng án phí do thuộc người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

2/. Buộc bà Lê Thị Trúc L (Chúc L) và ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị M tổng số tiền vốn là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy chục triệu đồng).

3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn T phải chịu là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Bà Phạm Thị M không phải chịu án phí.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Viết Tâm